

Bản án số: 60/2022/HS-ST

Ngày: 07/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Thẩm phán: Ông Đinh Xuân Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Diêm Trọng Khoa.

Ông Đinh Minh Hải.

Bà Phạm Thị Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-HS ngày 23/6/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 tại Bắc Giang; Nơi ĐKKHKT: Lô G6 - Đồng Quán, khu KL, phường VC, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị Tr, sinh năm 1959; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; có chồng là Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1983 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo L do gia đình bị cáo mời:** Bà Nguyễn Thị L1, Luật sư Công ty Luật TNHH Số 1 Bắc Ninh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

*** Bị hại:**

1. Công ty Cổ phần phân phối MP; địa chỉ: Số 65, ngõ 205 đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu V, sinh năm 1977; chỗ ở hiện

nay: Số 406A, Chung cư Sông Nhuệ, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ NH; địa chỉ: B22, lô 19, KĐT mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ng, sinh năm 1973; trú tại: Ô 16, dãy C, Nơ 12, KĐT mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc C, sinh năm 1973; chỗ ở hiện nay: Số 852 đường Kim Giang, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. Vắng mặt.

3. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TQ; địa chỉ: Khu Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Th, sinh năm 1991; trú tại: Khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

4. Công ty TNHH BT; địa chỉ: Cụm CN đa nghề Lỗ Sung, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1965; trú tại: phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1986; trú tại: Số 45, ngõ 49, Trung Hòa, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

5. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ LH;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1988; trú tại: Thôn Móng Làng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

6. Công ty TNHH một thành viên B Hà Nội; địa chỉ: B18, đường Công nghiệp 06, KCN Sài Đồng B, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Phú Ch, chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc N, sinh năm 1981; trú tại: Số 348-L3 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có mặt.

7. Nhà phân phối TV;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đào Thị H, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 1, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

8. Nhà phân phối NC;

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1983; trú tại: Số 69, đường Nguyễn Hoàng Nghi, khu KL 1, phường VC, thành phố Bắc Ninh. Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Tuấn Q, sinh năm 1988; trú tại: Khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

10. Anh Đinh Văn Tr, sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 03, ngõ 24, khu 4, phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

11. Công ty Cổ phần Bánh Kẹo HC; địa chỉ: số 15 đường Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội do ông Nguyễn Văn Hội là Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Hà Thị Phương Th, sinh năm 1965; trú tại: Số 131 ngõ 3, Thọ Lão, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Anh Trần Xuân M, sinh năm 1974 và chị Trần Thị Hiền, sinh năm 1976; trú tại: thôn Bắc Cường, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

2. Công ty UC, địa chỉ: KCN Song Khê - Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Mạnh Cường, sinh năm 1962 là Giám đốc đại diện theo pháp luật; trú tại: số 5 đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

3. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ HA; địa chỉ: số 37, phố 8/3, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979; trú tại: tổ 6, khu 34, phường Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; trú tại: số 62 đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh- là Giám đốc công ty TNHH dịch vụ và thương mại HLT Việt Nam; địa chỉ số 203 đường Nguyễn Cao, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: nhà phân phối Hương Quy, phố Ba Huyện, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; trú tại: khu phố Xuân Đài, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1983; ĐKKH: Lô G6, Đồng Quán, khu KL, phường VC, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện trú tại: Tổ 1 phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Bá Đ1, sinh năm 1986; trú tại: Tổ 1 phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

10. Chị Nguyễn Thị Tô Kh, sinh năm 1984; địa chỉ: khu KL 1, phường VC, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1984; trú tại: Tổ 20, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Nhân viên bán hàng Công ty B). Có mặt.

2. Chị Vũ Thị D, sinh năm 1988; trú tại: Thôn Móng Làng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

3. Chị Đỗ Thị Nh, sinh năm 1990; trú tại: Khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (vợ anh Quyết). Có mặt.

4. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1991; trú tại: Số 20 tổ 6 Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Là Trưởng phòng Kinh doanh 2 - Công ty Cổ phần Bánh Kẹo HC; địa chỉ: số 15 đường Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp MP (viết tắt là Công ty MP) có trụ sở tại Đồng Quán, khu KL, phường VC, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy phép đăng ký kinh doanh năm 2018 do Nguyễn Thị L là người đại diện theo pháp luật và là Giám đốc công ty. Ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn tổng hợp các loại bánh kẹo, đường sữa.....Kinh doanh dưới hình thức mua lại hàng hóa của các nhà phân phối, đại lý sau đó bán lại cho các cửa hàng bán lẻ hoặc một số công ty trong khu công nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn là nhà phân phối sản phẩm của công ty Cổ phần Sữa Ba Vì tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Theo giấy phép đăng ký kinh doanh thì Công ty MP có 02 thành viên gồm Nguyễn Thị L và Nguyễn Bá Đ (là chồng của L) góp vốn số tiền là 9.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế Đông không góp vốn và mọi hoạt động kinh doanh đều do L điều hành.

Từ khi thành lập đến hết năm 2019, Công ty MP hoạt động mua bán bình thường. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2020 trong quá trình hoạt động kinh doanh do thua lỗ nên L còn nợ tiền mua hàng của một số Công ty và nhà phân phối. Đến khoảng cuối tháng 7/2020 khi các chủ nợ đòi tiền, L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt hàng hóa của các nhà phân phối và các đại lý bán các mặt hàng mà L vẫn kinh doanh bằng hình thức nhập hàng về rồi bán ngay với giá thấp hơn giá mua để lấy tiền dùng vào mục đích khác. Cụ thể, L đã tìm các nhà cung cấp, nhà phân phối để đặt vấn đề mua hàng với số lượng lớn vì biết rõ theo quy định của các nhà phân phối thì trên địa bàn mỗi tỉnh chỉ có một hoặc hai nhà phân

phối, đại lý chỉ được bán hàng trên địa bàn được giao, không được bán lấn vùng, lấn tuyến, sau đó L đã đưa ra những thông tin gian dối như: *mua hàng để bán cho một số tổ chức đi từ thiện hoặc có đơn đặt mua hàng với số lượng lớn của một số công ty trong khu công nghiệp...* Đồng thời để tạo niềm tin cho những nhà phân phối, đại lý L sẽ trả trước một phần tiền của số hàng đặt mua của họ, số tiền còn lại L hứa sẽ trả theo đúng thời gian trong hợp đồng đã ký kết, hoặc theo thời gian đã thỏa thuận. Tuy nhiên, khi các nhà phân phối tin tưởng giao hàng cho L thì ngay sau đó L đã chuyển toàn bộ số hàng hóa mà họ giao đến bán cho anh Trần Xuân M với giá thấp hơn so với giá mà L đã mua để lấy tiền ngay và sử dụng tiền chi tiêu, trả nợ cá nhân. Khi không có khả năng trả nợ tiền mua hàng và cũng không thể gian dối để chiếm đoạt được hàng của các nhà phân phối nữa, L đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh để trốn tránh không phải trả nợ.

Cụ thể hành vi bị cáo chiếm đoạt như sau:

1. Chiếm đoạt tiền của Công ty cổ phần phân phối MP:

Thông qua lời giới thiệu của anh Đinh Văn Tr là nhà phân phối kẹo Mikita của Công ty cổ phần phân phối MP tại tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là Công ty cổ phần MP) về việc Nguyễn Thị L là giám đốc Công ty MP đang có nhu cầu mua 3.700 thùng kẹo Mikita để bán vào các Công ty trong khu công nghiệp SamSung, để các công ty này mang đi làm từ thiện. Do vậy, ông Lê Hữu V giám đốc Công ty cổ phần MP đã trao đổi và thỏa thuận bán hàng cho L. Do tin tưởng L mua hàng để đi làm từ thiện vì thời điểm này miền Trung đang bị lũ lụt gặp khó khăn, nên ngày 01/11/2020 tại kho hàng của L ở khu Xuân Ô, phường VC, ông Vượng đại diện Công ty cổ phần MP đã ký hợp đồng mua bán kẹo Mikita với Công ty MP do L làm người đại diện, L cam kết sau khi nhận hàng 03 ngày sẽ thanh toán.

Đến ngày 19/11/2020, ông Vượng đã trực tiếp giao cho L số lượng hàng cụ thể là: 2.700 thùng kẹo bịch Mikita loại 50 que và 1.000 thùng Kẹo hũ Mikita loại 50 que cùng với giá là 395.000đồng/thùng. Tổng giá trị đơn hàng là 1.461.500.000đồng. Ngay sau khi nhận hàng, L đã liên hệ và thỏa thuận bán cho anh Trần Xuân M là chủ cửa hàng Mạnh Hiền với giá 350.000đồng/thùng và được ông Mạnh trả tiền ngay cho L. Đến ngày 22/11/2020, L đã chuyển khoản thanh toán cho ông Vượng 80.000.000 đồng, số tiền còn lại là **1.381.500.000 đồng** L không trả ông Vượng mà dùng để chi trả cho các khoản nợ cá nhân. Sau đó, ông Vượng liên tục liên hệ đòi tiền thì L đều lấy lý do bán hàng cho tổ chức chưa thanh quyết toán, sau đó L còn nói là bị lừa không thu hồi được tiền bán hàng. Đến nay, ông Vượng yêu cầu L phải trả lại số tiền là **1.381.500.000 đồng**.

2. Chiếm đoạt tiền của chị Đào Thị Hồng - Nhà phân phối TV:

Thông qua sự giới thiệu anh Đinh Văn Tr và thủ đoạn như trên L nói dối chị Hồng là mua hàng để đóng hàng cho các tổ chức đi từ thiện, giao hàng trong khu công nghiệp, cam kết trong 03 ngày sẽ trả tiền. Trong các ngày 21, 22/11/2020, L đã mua của chị Hồng tổng số 2.500 thùng bánh các loại của hãng Hữu Nghị với tổng số tiền là **1.065.813.000 đồng**. Sau khi nhận được hàng, L đã bán cho anh Mạnh chủ cửa hàng Mạnh Hiền với giá thấp hơn so với giá nhập để thu tiền ngay. Số tiền này L sử dụng tiền để chi tiêu cá nhân và trả nợ người khác mà không trả cho chị Hồng. Khi chị Hồng đòi tiền thì L đều lấy lý do bán hàng cho đối tác mua hàng chưa trả tiền nên không có tiền trả chị Hồng. Nay chị Hồng yêu cầu L phải trả số tiền theo giá trị số hàng L chưa thanh toán là **1.065.813.000 đồng**.

3. Chiếm đoạt tiền của anh Đinh Văn Tr:

Vẫn thủ đoạn như trên, L đặt mua của anh Trịnh 400 thùng sữa ông Thọ nhưng do số lượng hàng lớn và không đủ tiền nên anh Trịnh bảo L là chỉ lấy được 300 thùng và phải thanh toán tiền ngay. Sau đó, ông Trịnh đã đặt mua 300 thùng sữa ông Thọ và yêu cầu L trả tiền trước, thì L chuyển khoản cho ông Trịnh 14.000.000đ, số còn lại sẽ cho nhân viên mang tiền đưa cho ông Trịnh. Khoảng 09 giờ ngày 24/11/2020, L cho 03 nhân viên đi xe ô tô BKS 29H-01375 đến nhà phân phối Vinh Thắng đưa tiếp cho ông Trịnh 20.000.000đồng để lấy hàng. Tại đây, anh Trịnh mua của nhà phân phối Vinh Thắng 300 thùng sữa với giá là 975.000 đồng/thùng và đã thanh toán số tiền là 292.500.000đồng. Sau đó, anh Trịnh cùng 03 nhân viên của L mang sữa về kho để giao cho L và lấy tiền. Tuy nhiên, khi về đến kho thì anh Trịnh không thấy L ở đó nên đã điện thoại cho L bảo thanh toán tiền thì L bảo cứ để hàng ở đó do đang bận tiếp đối tác khoảng 2 đến 3 ngày mới thanh toán được tiền. Nhưng thực tế, sau khi anh Trịnh đi về thì L đã mang 300 thùng sữa trên bán cho cửa hàng Mạnh Hiền với giá 900.000 đồng/thùng. Số tiền này L đã không thanh toán cho ông Trịnh mà sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ hết. Anh Trịnh nhiều lần liên lạc với L thì L tắt máy điện thoại hoặc lấy lý do đối tác chưa thanh toán tiền để không phải trả tiền cho ông Trịnh. Nay, anh Trịnh yêu cầu L phải trả ông số tiền chưa thanh toán là **258.500.000 đồng**.

4. Chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TQ (viết tắt là Công ty TQ):

Vẫn thủ đoạn như trên, lấy lý do để giao hàng cho cơ quan tổ chức đi từ thiện gấp, nên ngày 21/11/2020 L đã ký hợp đồng với anh Đỗ Văn Thế - đại diện Công ty TQ mua tổng số 1.500 thùng bột giặt Aba, L cam kết trong hợp đồng sau khi nhận hàng từ 3 đến 5 ngày sẽ thanh toán hết và chuyển khoản đặt

cọc cho anh Thế số tiền 50.000.000đồng. Sau đó, anh Thế đã mang hàng đến kho và giao cho L số hàng theo hợp đồng là 1.500 thùng bột giặt Aba. Tổng giá trị đơn hàng là **619.000.000 đồng**. Sau khi nhận hàng L đã bán số hàng trên cho cửa hàng Mạnh Hiền với giá thấp hơn để được thanh toán tiền ngay. Số tiền này L chỉ trả thêm cho anh Thế số tiền 150.000.000 đồng còn lại không thanh toán. Khi quá thời hạn thanh toán, L lấy lý do đối tác lấy hàng chưa thanh toán tiền và sau đó là lý do L cũng đang bị lừa tiền để không thanh toán nên không trả cho anh Thế. Nay anh Thế yêu cầu L phải trả anh số tiền còn lại chưa thanh toán là **419.000.000 đồng**.

5. Chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Hữu Hợi - Nhà phân phối NC:

Vẫn thủ đoạn như trên, lấy lý do để giao hàng cho các công ty ở khu công nghiệp, nên ngày 19/11/2020 L đã ký hợp đồng với anh Nguyễn Hữu Hợi – Đại diện nhà phân phối NC mua tổng số 510 thùng bánh One one các loại. Tổng giá trị đơn hàng là **156.250.000 đồng**. Sau đó, L đã cho xe ô tô đến kho của anh Hợi nhận số hàng trên, rồi mang bán cho cửa hàng Mạnh Hiền với giá thấp để được thanh toán tiền ngay. Số tiền này L không mang tiền trả cho anh Hợi mà sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ hết.

Đến ngày 22/11/2020, L lại tiếp tục điện thoại cho anh Hợi đặt mua thêm 1.500 thùng bánh để nhằm mục đích chiếm đoạt nhưng anh Hợi không đồng ý bán. Đến ngày 26/11/2020 là ngày L phải thanh toán tiền mua 510 thùng bánh cho anh Hợi thì L tắt máy điện thoại và trốn tránh anh Hợi để không phải trả tiền. Nay, anh Hợi yêu cầu L phải trả cho anh trị giá 510 thùng bánh là **156.250.000 đồng**.

6. Chiếm đoạt tiền của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ NH (viết tắt là Công ty NH):

Vẫn thủ đoạn như trên, ngày 30/10/2020 và 31/10/2020 L nhập 1.300 thùng nước tăng lực của Công ty NH thông qua anh Nguyễn Khắc Cường - quản lý bán hàng miền Bắc của Công ty với giá trị số tiền là 253.500.000 đồng. Sau đó đến ngày 7/11/2020, L liên hệ tiếp với anh Cường đặt mua 3.000 thùng, yêu cầu giao gấp để L giao cho đối tác trong KCN Sam Sung nhưng thực tế là L muốn chiếm đoạt để bán cho người khác lấy tiền ngay. Tuy nhiên, Công ty NH chỉ đồng ý giao 2.000 thùng và yêu cầu phải thanh toán tiền 1.300 thùng đã giao trước đây. L đồng ý và thỏa thuận sẽ thanh toán 2.000 thùng hàng mới trị giá là 390.000.000 đồng bằng cách trả trước tiền 1.000 thùng vào ngày 10/11/2020, còn 1000 thùng sẽ thanh toán sau 20 ngày. Sau đó, L bảo anh Nguyễn Mạnh Quý là lái xe chở hàng cho L đi xe ô tô ra Công ty NH lấy 2.000 thùng hàng và cầm 253.500.000 đồng trả tiền 1.300 thùng hàng trước đây cho Công ty NH. Sau khi nhận được

hàng, L đã bán cho cửa hàng Mạnh Hiền với giá thấp hơn để lấy tiền ngay. Số tiền này L lại không trả cho Công ty NH mà sử dụng vào mục đích cá nhân và trả nợ hết. Khi công ty NH yêu cầu thanh toán tiền thì L đều hứa hẹn sẽ chuyển khoản thanh toán nhưng không thực hiện và cố tình trốn tránh để không phải trả nợ. Nay, Công ty NH yêu cầu L phải trả số tiền là **390.000.000 đồng**.

7. Chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH một thành viên B (viết tắt là Công ty B):

Vẫn thủ đoạn như trên, khoảng tháng 9/2020, Nguyễn Thị L đã liên hệ với chị Hoàng Thị Tuyền, sinh năm 1984 là nhân viên Công ty B giới thiệu L là Giám đốc Công ty MP nói dối đang thực hiện hợp đồng cung cấp quà trung thu vào Công ty Sam Sung nên muốn đặt mua bánh kẹo B với số lượng lớn để tạo thành gói quà tặng cho công nhân công ty Sam Sung, Emtech. Tin tưởng L, chị Tuyền đã báo cáo, đề xuất và được ông Vũ Văn Tuyên - Giám đốc Công ty B ký hợp đồng mua bán với Công ty MP, trong đó có điều khoản thời hạn thanh toán là 30 ngày. Sau khi ký hợp đồng, trong khoảng thời gian từ ngày 25/9/2020 đến ngày 25/10/2020, Công ty B đã giao trực tiếp cho L nhiều đơn hàng gồm các loại bánh, kẹo của hãng B với tổng trị giá hàng hóa là **4.073.696.700 đồng**. Sau khi nhận hàng thì L đã bán cho cửa hàng Mạnh Hiền với giá thấp hơn, số tiền bán hàng thì L đã dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân mà không trả cho công ty B. Khi chị Tuyền đề nghị thanh toán tiền hàng thì L đưa ra nhiều lý do để chỉ thanh toán một phần tiền, cụ thể: ngày 28/9/2020 thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 17/10/2020 thanh toán số tiền 761.100.000 đồng và ngày 23/11/2020 thanh toán 100.000.000 đồng. Khi bà Tuyền liên tục liên hệ đòi tiền thì L lấy lý do bị lừa không thu hồi được sau đó L trốn tránh để không phải trả tiền cho Công ty B. Nay, Công ty B yêu cầu L phải trả số tiền chưa thanh toán là **3.112.605.800 đồng**.

8. Chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ LH (viết tắt là Công ty LH):

Vẫn thủ đoạn như trên, ngày 11/11/2020, L đã điện thoại và nhắn tin qua Zalo cho anh Lũy về việc L cần một số lượng lớn bánh Tipo để làm từ thiện, nhà anh Lũy có bao nhiêu L lấy hết. Anh Lũy bảo mặt hàng L lấy không có trong hợp đồng thì L bảo lấy hàng trước để cho đối tác đi làm từ thiện, phụ lục hợp đồng sẽ ký sau. Tại thời điểm này, anh Lũy thấy trong miền Trung đang có thiên tai, lũ lụt nên anh Lũy tin tưởng L mua hàng để mang đi từ thiện nên đã đồng ý bán cho L. Từ ngày 11/11/2020 đến ngày 20/11/2020, anh Lũy đã giao cho L các loại bánh trứng nướng của Tipo với giá trị tiền là **1.617.465.017 đồng**. Sau khi nhận được hàng L đã mang bán cho cửa hàng Mạnh Hiền với giá thấp hơn. Số tiền này L mới trả cho anh Lũy số tiền là 540.000.000 đồng

còn lại L không trả và trốn tránh anh Lũy để không phải trả tiền. Nay, anh Lũy yêu cầu L phải trả anh giá trị tiền chưa thanh toán là **1.077.465.017 đồng**.

9. Chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Tuấn Q :

Vẫn thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 07/8/2020 đến ngày 12/11/2021, L đã nhiều lần đặt mua hàng gồm bánh kem xốp, bột canh Iot HC, bánh lương khô Cacao, sữa chua có đường ... của hộ ông Quyết với tổng trị giá là **3.044.298.000 đồng**. Sau khi nhận được hàng L đã mang bán cho cửa hàng Mạnh Hiền với giá thấp hơn. Số tiền này L mới trả cho anh Quyết số tiền 2.024.700.000 làm nhiều lần. Số tiền hàng còn lại L đã sử dụng chi tiêu cá nhân và trốn tránh anh Quyết để không phải trả nợ. Nay ông Quyết yêu cầu L phải trả số tiền mua hàng là **1.019.598.000 đồng**.

10. Chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH BT:

Vẫn thủ đoạn như trên, thông qua chị Nguyễn Thị Phương Thúy, sinh năm 1986 trú tại số 45, ngõ 49, khu phố Trung Hòa, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn là kế toán của Công ty BT, từ ngày 19/10/2020 đến ngày 02/11/2020, L đã đặt mua và nhận từ công ty BT các mặt hàng gồm sữa tươi tiệt trùng các loại, dầu ăn Simply đậu nành các loại, kẹo Oishi, nước Tea go với tổng giá trị tiền hàng là 9.583.700.000đồng. Sau khi nhận được hàng, L đã mang bán cho cửa hàng Mạnh Hiền với giá thấp hơn. Số tiền này L mới trả cho Công ty BT số tiền 7.286.630.000 đồng, còn lại 2.297.070.000 đồng thì L không trả mà sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ hết. Nay, Công ty BT yêu cầu L phải trả số tiền còn lại là **2.297.070.000 đồng**.

Ngày 01/7/2021, Cơ quan điều tra yêu cầu định giá tài sản số 108/PC03 đối với các mặt hàng của 10 nhà phân phối nêu trên bị Nguyễn Thị L chiếm đoạt. Tại bản kết luận định giá tài sản số 881/KL-HĐ ngày 02/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh xác định giá trị từng mặt hàng nêu trên. Tổng trị giá tiền hàng là **22.309.654.800đ**.

11. Chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần bánh kẹo HC (viết tắt là công ty HC):

Công ty Cổ phần bánh kẹo HC chuyên sản xuất và bán các mặt hàng bột canh, bánh xốp, lương khô... mang nhãn hiệu độc quyền của Công ty HC.

Khoảng tháng 09/2022, L đại diện Công ty Anh Đạt và Công ty MP thỏa thuận mua, bán và tiêu thụ sản phẩm của Công ty HC với anh Nguyễn Tuấn Anh là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty HC. Khi trao đổi với anh Tuấn Anh, L bảo L là người điều hành hoạt động cả 02 công ty, đang rất cần nhiều hàng hóa để cấp cho các khách hàng, tổ chức, doanh nghiệp để làm quà tặng, phụ cấp độc hại và từ thiện, chồng L đang làm ở phòng tổ chức tại một doanh nghiệp của

nước ngoài có quan hệ và hỗ trợ L đưa hàng hóa của công ty vào doanh nghiệp đó. Sau đó, anh Tuấn Anh đã tìm hiểu thông tin trên mạng về 02 Công ty L giới thiệu và tin tưởng đã gửi bản Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Công ty HC cho L qua địa chỉ Email.

Đến ngày 22/9/2020, Công ty MP và Công ty Anh Đạt đã ký Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm số 503/1 và 503/2 với Công ty HC. Tuy nhiên, L lại ký giả chữ ký của anh Nguyễn Bá Đ1 vào phần giám đốc trong hợp đồng và đóng dấu của Công ty Anh Đạt vào hợp đồng nhưng L không nói cho ai biết.

Sau đó, L nhiều lần đặt mua mặt hàng bột canh, bánh xốp, lương khô mang nhãn hiệu HC của Công ty HC cho Công ty MP và Công ty Anh Đạt. Từ ngày 21/10/2020 đến ngày 22/11/2020, Công ty HC nhiều lần giao hàng cho L theo như 02 hợp đồng đã ký ở trên, trong đó tổng giá trị tiền hàng Công ty HC xuất bán cho Công ty MP là 2.755.018.090 đồng; Công ty Anh Đạt là 939.664.440 đồng. Toàn bộ các mặt hàng mua của Công ty HC, L không cung cấp vào khu công nghiệp như thỏa thuận với anh Tuấn Anh, L đã mang bán cho cửa hàng Mạnh Hiền với giá bằng giá mua để được hưởng chiết khấu % và được thanh toán tiền ngay. Tuy nhiên, sau đó L chỉ thanh toán cho Công ty HC số tiền mua hàng là 2.505.000.000 đồng, số tiền còn lại L đã không thanh toán theo hợp đồng đã ký. Công ty HC đã nhiều lần liên hệ với anh Nguyễn Bá Đ1 để yêu cầu anh Đương trả tiền nhưng anh Đương không biết gì về việc L mua hàng và cũng không ký vào hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với Công ty HC. Do vậy, Công ty HC đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra và yêu cầu L phải trả số tiền bị chiếm đoạt là **999.502.530 đồng**, trong đó Công ty MP là 499.838.090 đồng, Công ty Anh Đạt là 499.664.400 đồng.

Sau khi có hành vi gian dối để các bị hại giao hàng, L cũng đã trả lại một phần tiền cho một số nhà cung cấp, đại lý. Lý do, L trả lại một phần tiền là vì bị nhà cung cấp, đại lý đòi nhiều lần hoặc L muốn tiếp tục chiếm đoạt thêm hàng hóa của họ. Do đó, số tiền hiện tại L chưa trả cho các đại lý, nhà phân phối là số tiền L chiếm đoạt, tổng cộng là **12.177.304.874 đồng**. Toàn bộ số hàng L chiếm đoạt của các nhà cung cấp đều được bán cho anh Mạnh chủ cửa hàng Mạnh Hiền, đến nay anh Mạnh đã bán cho người khác nhưng không nhớ giá bán, người mua cụ thể nên không thu hồi được.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đến cuối tháng 11 năm 2020 khi L chiếm đoạt được số tiền hàng rất lớn và cũng không thể tiếp tục lừa dối được thêm nhà cung cấp nào nữa đồng thời L bị các nhà cung cấp liên tục đòi tiền nên L đã bán tất cả các tài sản của vợ chồng để trả nợ rồi bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh. Do không gặp và không liên lạc được với L, các nhà phân phối và đại

lý đã làm đơn tố cáo L gửi đến Cơ quan Công an tỉnh Bắc Ninh. Trong khi Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đang tiến hành điều tra xác minh vụ việc thì một số nhà cung cấp đã gặp L tại khu vực phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh khi L đang thuê trọ và sống một mình ở đó. Ngày 21/12/2020, những người này yêu cầu L về Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh để làm việc. Tại đây, Nguyễn Thị L đã đầu thú và khai nhận về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình.

*** Về vật chứng thu giữ:**

- Khi đầu thú, L đã giao nộp: 01 máy điện thoại Sam Sung Note 20; 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 chứng minh nhân dân số và 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV đều mang tên Nguyễn Thị L; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035151; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5798901; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 0202587/21 của bảo hiểm PVI (đều của xe ô tô BKS 99C-142.77).

- Ngày 13/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra Lệnh kê biên tài sản số 01/PC03 đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Teraco, loại xe Tera 240, số máy: JE493ZLQ3A32053844, số khung:RM0TD17JLHC000290, đăng ký chủ xe: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp MP.

Ngày 12/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu tạm giữ số tiền trong tài khoản 43210001040450 Ngân hàng BIDV mang tên Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp MP số tiền 1.141.161 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố, Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 47/CT-VKS-P1 ngày 08/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, cụ thể: Do làm ăn thua lỗ, cần tiền để trả nợ nên bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối về việc mua hàng hóa để bán cho một số tổ chức đi từ thiện và các công ty trong khu công nghiệp... Bị cáo đã đặt mua một số lượng hàng hóa lớn sau đó bán ngay với giá thấp hơn giá mua để lấy tiền trang trải nợ nần cá nhân và chiếm đoạt tiền của các bị hại. Bị cáo đã nhiều lần gian dối, chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 12.177.304.874 đồng. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày 9/5/2022 đều trình bày: yêu cầu bị cáo L phải hoàn trả số

tiền đã chiếm đoạt. Cụ thể:

1. Công ty cổ phần phân phối MP: 1.381.500.000đ;
2. Nhà pp TV: 1.065.813.000đ;
3. Anh Đinh Văn Tr: 258.500.000đ;
4. Công ty TNHH Thế Uyên: 419.000.000đ;
5. Nhà PP NC: 156.250.000đ;
6. Công ty cổ phần NH: 390.000.000đ;
7. Công ty B: 3.112.605.800đ;
8. Công ty LH: 1.077.465.017đ;
9. Anh Nguyễn Tuấn Q: 1.019.598.000đ;
10. Công ty BT: 2.297.070.000đ;

11. Công ty HC: 999.502.530đ. Về trách nhiệm hình sự: Các bị hại yêu cầu xử lý bị cáo L theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nếu bị cáo L có trách nhiệm thanh toán trả các bị hại luôn số tiền L đã chiếm đoạt thì các bị hại có mặt tại phiên toà hôm nay đều xin giảm nhẹ hình phạt cho L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Bá Đ trình bày: Mặc dù anh là người đứng tên giám đốc Công ty Anh Đạt nhưng mọi hoạt động của công ty là do L điều hành, hiện nay công ty Anh Đạt đã giải thể. Anh khẳng định không biết, không liên quan gì đến việc Công ty Anh Đạt ký hợp đồng mua bán hàng hoá với Công ty cổ phần Bánh kẹo HC. Anh không cho L vay tiền và cũng không vay tiền của L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Bá Đ vắng mặt tại phiên toà hôm nay. Tuy nhiên phiên toà ngày 9/5/2022 anh trình bày: Anh không biết và không liên quan gì đến hành vi lừa đảo của L. Mặc dù anh có tên trong Công ty MP nhưng mọi hoạt động đều do L điều hành. Anh nhất trí, không có ý kiến gì việc cơ quan điều tra kê biên chiếc xe ô tô của Công ty MP để đảm bảo thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi nhận xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 19 đến 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/12/2020.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo L phải trả lại các bị hại số tiền đã

chiếm đoạt, cụ thể: Trả lại cho Công ty Cổ phần Phân phối MP số tiền 1.381.500.000 đồng; Nhà phân phối TV số tiền 1.065.813.000 đồng; Hộ kinh doanh Đinh Văn Tr số tiền 258.500.000 đồng; Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TQ số tiền 419.000.000 đồng; Nhà phân phối NC số tiền 156.250.000 đồng; Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ NH số tiền 390.000.000 đồng; Công ty TNHH một thành viên B số tiền 3.112.605.800 đồng; Công ty TNHH thương mại và dịch vụ LH số tiền 1.077.465.017 đồng; Hộ kinh doanh Tuấn Q số tiền 1.019.598.000 đồng và Công ty TNHH BT số tiền 2.297.070.500 đồng; Công ty HC số tiền 999.502.530 đồng.

Về vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 1 điện thoại Nokia màu đen của bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại Samsung Note 20; 01 chứng minh nhân dân số 125988021 mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Nguyen Thi Luyen; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035151; 01 chứng nhận đăng kiểm xe số 5798901 của xe BKS 99C1-142.77 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm bắt buộc số 0202587/21 của bảo hiểm PVI của xe ô tô BKS 99C1-142.77 nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Tiếp tục duy trì lệnh kê biên tài sản đối với chiếc xe ô tô BKS 99C1-142.77;

Tạm giữ số tiền 1.141.161đ trong tài khoản của Công ty MP.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L phát biểu: Nhất trí về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời cũng nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Trên cơ sở đó, luật sư đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

Bị cáo nhất trí với quan điểm của luật sư bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Các bị hại có ý kiến: Về trách nhiệm hình sự nhất trí như luận tội của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX xem xét buộc cả 2 vợ chồng bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Và đề nghị làm rõ một số tài sản của vợ chồng bị cáo đã có trước khi L chưa bị bắt để đảm bảo quyền lợi cho các bị hại.

Đôi đáp với ý kiến của các bị hại, đại diện Viện kiểm sát khẳng định: Quá trình điều tra cho thấy L có 2 thửa đất nên cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thì hai thửa đất này vợ chồng L đã chuyển nhượng cho người khác hợp pháp. Đối với 2 chiếc xe ô tô CX5 và CX8 thì bị cáo cũng đã bán cho người

khác theo đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở để xem xét đối với những tài sản này. Về ý kiến yêu cầu anh Đông là chồng của bị cáo L và anh Dương là em trai của anh Đông cùng phải có trách nhiệm trả lại cho các bị hại số tiền L đã chiếm đoạt thì quá trình điều tra không có tài liệu, căn cứ nào chứng minh anh Đông và anh Dương đồng phạm với Luyện để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Do vậy, không có căn cứ để buộc anh Đông và anh Dương cùng phải có trách nhiệm trả lại số tiền bị cáo L đã chiếm đoạt. Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Mặc dù biết việc một số nhà cung cấp, nhà phân phối quy định trên địa bàn mỗi tỉnh chỉ có một hoặc hai nhà phân phối và đại lý chỉ được bán hàng trên địa bàn được giao, không được bán lấn vùng, lấn tuyến, tuy nhiên do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 12/2020, Nguyễn Thị L là Giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp MP đã làm hợp đồng với các nhà cung cấp hàng hóa là L mua hàng số lượng lớn để bán cho một số tổ chức đi từ thiện hoặc L có đơn đặt mua hàng với số lượng lớn của một số công ty trong khu công nghiệp nhưng thực chất là L đã nảy sinh ý thức gian dối từ đầu, sau khi các nhà cung cấp tin tưởng giao hàng thì L mang hàng đi bán cho anh Trần Xuân M với giá thấp hơn so với giá mà L đã mua của nhà cung cấp rồi lấy tiền ngay để sử dụng tiền chi tiêu, trả nợ cá nhân đồng thời không trả tiền hàng hoặc chỉ trả một phần cho nhà cung cấp. Sau đó L bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh để không phải trả nợ. Tổng giá trị tiền hàng L chiếm đoạt của 11 nhà phân phối và đại lý là **12.177.304.874** đồng. Do đó, hành vi của Nguyễn Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự

như Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài 11 nhà phân phối, đại lý được xác định là bị hại, trong quá trình điều tra L có khai báo về việc L mua hàng của một số đơn vị khác gồm: Công ty UC, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ HA và ông Nguyễn Ngọc Huy. Tuy nhiên trong hợp đồng giữa công ty MP với công ty UC, công ty HA không thỏa thuận về phạm vi bán hàng hay mục đích mua hàng để làm gì. Công ty MP không làm hợp đồng với ông Nguyễn Ngọc Huy và cũng không thỏa thuận về phạm vi bán hàng hay mục đích mua hàng. Do vậy, không có căn cứ chứng minh bị cáo có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của ông Huy và các công ty này.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền rất lớn của nhiều bị hại nên cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[2]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX nhận thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L đã chiếm đoạt của nhiều bị hại, cụ thể là của Công ty Cổ phần Phân phối MP là 1.381.500.000 đồng; Nhà phân phối TV là 1.065.813.000 đồng; Hộ kinh doanh Đinh Văn Tr là 258.500.000 đồng; Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TQ là 419.000.000 đồng; Nhà phân phối NC là 156.250.000 đồng; Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ NH là 390.000.000 đồng; Công ty TNHH một thành viên B là 3.112.605.800 đồng; Công ty TNHH thương mại và dịch vụ LH là 1.077.465.017 đồng; Hộ kinh doanh Tuấn Q là 1.019.598.000 đồng; Công ty TNHH BT là 2.297.070.500 đồng và Công ty HC là 999.502.530 đồng. Do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú, thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trước khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo L đã nộp 100.000.000đ để khắc phục hậu quả cho L, bị cáo có ông nội được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương kháng chiến. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3]. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt hàng hóa trị giá 12.177.304.874 đồng của 11 bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị hại đều yêu cầu bị cáo L phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Do vậy, cần buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải trả lại các bị hại số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng là 12.177.304.874 đồng, cụ thể: Trả lại cho Công ty Cổ phần Phân phối MP số tiền 1.381.500.000 đồng; Nhà phân phối TV số tiền 1.065.813.000 đồng; Hộ kinh doanh Đinh Văn Tr số tiền 258.500.000 đồng; Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TQ số tiền 419.000.000 đồng; Nhà phân phối NC số tiền 156.250.000 đồng; Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ NH số tiền 390.000.000 đồng; Công ty TNHH một thành viên B số tiền 3.112.605.800 đồng; Công ty TNHH thương mại và dịch vụ LH số tiền 1.077.465.017 đồng; Hộ kinh doanh Tuấn Q số tiền 1.019.598.000 đồng; Công ty TNHH BT số tiền 2.297.070.500 đồng; Công ty cổ phần bánh kẹo HC số tiền 999.502.530 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Đối với ý kiến của các bị hại yêu cầu anh Đ và anh Đ1 cùng phải có trách nhiệm trả lại số tiền L đã chiếm đoạt và yêu cầu làm rõ các tài sản của bị cáo L có trước khi L bị bắt là không có căn cứ như vị đại diện Viện kiểm sát đã đối đáp là phù hợp pháp luật.

[4]. Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Samsung Note 20; 01 chứng minh nhân dân số 125988021 mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Nguyen Thi Luyen; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035151; 01 chứng nhận đăng kiểm xe số 5798901 của xe BKS 99C1-142.77 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm bắt buộc số 0202587/21 của bảo hiểm PVI của xe ô tô BKS 99C1-142.77 bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ 01 điện thoại Samsung Note 20 và các giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô BKS 99C1- 142.77 để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với 01 xe ô tô tải đã qua sử dụng, nhãn hiệu Teraco, BKS 99C1-142.77 là tài sản của Công ty MP (tức là tài sản chung của bị cáo và chồng là anh Nguyễn Bá Đ), chiếc xe này bị cáo không dùng vào việc phạm tội, anh Đ tự nguyện dùng để khắc phục hậu quả cho bị cáo và không có đề nghị yêu cầu gì

nên cần Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/PC03 ngày 13/8/2021 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Teraco, loại xe Tera 240, số máy: JE493ZLQ3A32053844, số khung: RM0TD17JLHC000290, đăng ký chủ xe: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp MP để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 1.141.161 đồng trong tài khoản 43210001040450 Ngân hàng BIDV mang tên Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp MP, đây là tài sản chung của bị cáo và anh Nguyễn Bá Đ, anh Đ đồng ý dùng tiền này để bồi thường cho bị hại nên cần dùng số tiền này để trả các bị hại.

* Liên quan trong vụ án: Đối với các anh Nguyễn Mạnh Quý, Bùi Tiến Anh, Trần Hữu Anh và Trần Danh Quang là nhân viên lái xe và bốc xếp hàng hóa của Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp MP. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Công ty chỉ thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của L, không biết L mua hàng của các nhà cung cấp để chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Trần Xuân M và chị Trần Thị Hiền là chủ cửa hàng Mạnh Hiền đã mua hàng của L nhưng khi mua thì anh Mạnh và chị Hiền không biết số hàng đó là do L lừa đảo chiếm đoạt mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Đinh Văn Tr là người giới thiệu cho L mua hàng của Công ty cổ phần phân phối MP và Nhà phân phối TV nhưng anh Trịnh không biết mục đích L mua hàng để chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Nguyễn Bá Đ và Nguyễn Bá Đ1 là những người tham gia thành lập Công ty với L nhưng mọi hoạt động của Công ty đều do L điều hành, các anh đều không biết gì về việc L mua hàng của nhà cung cấp để chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với hành vi L ký giả chữ ký của anh Dương vào hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, mọi hoạt động kinh doanh của công ty Anh Đạt đều do L điều hành, anh Dương chỉ đứng tên giám đốc và không tham gia bất kỳ hoạt động nào của Công ty. Ngoài ra, L là người trực tiếp nhận và ký vào biên bản giao hàng khi Công ty HC giao hàng cho Công ty Anh Đạt

[4]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị L 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 21/12/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Thị L 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự ; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải trả lại 11 bị hại số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng là **12.177.304.874** đồng, cụ thể: trả lại cho Công ty Cổ phần Phân phối MP số tiền 1.381.500.000 đồng; trả lại cho Nhà phân phối TV số tiền 1.065.813.000 đồng; trả lại cho Hộ kinh doanh Đinh Văn Tr số tiền 258.500.000 đồng; trả lại cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TQ số tiền 419.000.000 đồng; trả lại cho Nhà phân phối NC số tiền 156.250.000 đồng; trả lại cho Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ NH số tiền 390.000.000 đồng; trả lại cho Công ty TNHH một thành viên B số tiền 3.112.605.800 đồng; trả lại cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ LH số tiền 1.077.465.017 đồng; Hộ kinh doanh Tuấn Q số tiền 1.019.598.000 đồng; Công ty TNHH BT số tiền 2.297.070.500 đồng và trả lại cho công ty Cổ phần bán kẹo HC số tiền là 999.502.530 đồng.

Xác nhận bị cáo đã nộp 100.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000363 ngày 14/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh và số tiền 1.141.161 đồng trong tài khoản 43210001040450 Ngân hàng BIDV mang tên Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp MP theo biên lai thu tiền số 0000056 ngày 21/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh, còn phải nộp **12.076.163.713** đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Nokia màu đen của Nguyễn Thị L.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L 01 điện thoại Samsung Note 20; 01 chứng minh nhân dân số 125988021 mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Nguyen Thi Luyen; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035151; 01 chứng nhận đăng kiểm xe số 5798901 của xe BKS 99C1-142.77 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm bắt buộc số 0202587/21 của bảo hiểm PVI của xe ô tô BKS 99C1-142.77 nhưng tạm giữ 01 điện thoại Samsung Note 20 và các giấy tờ xe ô tô BKS 99C1- 142.77 để đảm bảo việc thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/PC03 ngày 13/8/2021 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Teraco, loại xe Tera 240, số máy: JE493ZLQ3A32053844, số khung: RM0TD17JLHC000290, đăng ký chủ xe: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp MP để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 07 ngày 13/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 120.076.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao, VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh ;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; người TGTT;
- Lưu HS; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa